

Số: 265/CV-DHP-2016
V/v: Công bố thông tin theo quy định

Gia Lai, ngày 12 tháng 8 năm 2016

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước.
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Tên công ty: Công ty CP thủy điện Đăk Đoa (HPD)
Địa chỉ: Số 138 Tôn Đức Thắng – TP.PLeiku – Gia Lai
Số điện thoại: 0596 288 688 Fax: 0593 866 472
Loại công bố thông tin: Theo quy định.
Nội dung công bố thông tin:

- Công bố Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 sau kiểm toán.

Chúng tôi xin cam kết thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như kính gửi.
- Lưu TH, đăng Website

**NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Phạm Văn Hùng



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY

31 THÁNG 12 NĂM 2016

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐÒA**

LƯU A&C

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐÒA

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Đờa (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với tài liệu số 2016/BC-BTGD của Ban Tổng Giám đốc năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

MỤC LỤC

Khái quát về Công ty

Công ty là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3903000141, đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 7 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau:

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo soát xét độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	14 - 34

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Đoa (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Khái quát về Công ty

Công ty là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3903000141, đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 7 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ nhất ngày 24 tháng 3 năm 2008 về việc bổ sung ngành, nghề kinh doanh và tăng vốn điều lệ.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ hai ngày 05 tháng 11 năm 2009 về việc thay đổi số đăng ký kinh doanh mới là số 5900419811 và thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Công ty.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ ba ngày 27 tháng 9 năm 2010 về việc tăng vốn điều lệ và thay đổi cổ đông góp vốn.

Công ty đã được Ủy ban Nhân dân tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 31121000033 ngày 13 tháng 8 năm 2007 về việc thực hiện dự án đầu tư Thủy điện Đăk Đoa tại xã Đăk Sơ Mei và xã Đăk Roong, huyện Đăk Đoa, tỉnh Gia Lai. Dự án của Công ty đã được Ủy ban Nhân dân tỉnh Gia Lai cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đầu tư sau:

- Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh lần thứ nhất ngày 21 tháng 01 năm 2009 về việc tăng công suất dự án và tăng tổng vốn đầu tư.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ hai ngày 30 tháng 12 năm 2010 về việc tăng diện tích đất sử dụng và tăng tổng vốn đầu tư.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 138 Tôn Đức Thắng, Phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai
- Điện thoại : (059) 3 866 473
- Fax : (059) 3 866 472

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: Đầu tư các công trình thủy điện, nhiệt điện; Sản xuất, truyền tải và phân phối điện; Đầu tư các khu đô thị, khu công nghiệp; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện; Thiết kế công trình thủy lợi, thủy điện; Thiết kế công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp; Thiết kế kết cấu đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị; Thiết kế công trình đường bộ; Thiết kế công trình ngầm và mỏ; Thiết kế cấp điện đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, công trình điện năng; Thiết kế cơ-điện công trình; Thiết kế kiến trúc, thiết kế quy hoạch, nội thất công trình, hạ tầng kỹ thuật; Khảo sát xây dựng; Giám sát thi công công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật công trình thủy điện; Lập quy hoạch tổng thể và quy hoạch chi tiết các công trình dân dụng, công nghiệp và công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị đến nhóm A; Lập dự án đầu tư, thẩm định dự án đầu tư các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị đến nhóm A; Tư vấn quản lý dự án các công trình dân dụng, công nghiệp, công trình giao thông, thủy lợi, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị đến nhóm A; Tư vấn lập, thẩm định, đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ mời thầu xây lắp, hồ sơ mời thầu thiết bị các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị đến nhóm A; Thẩm định thiết kế các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị đến nhóm A; Sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Trồng cây cao su; Trồng cây cà phê.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐÒA

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Trần Văn Ngự	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 10 năm 2015
Ông Phạm Văn Hùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 8 năm 2012
Ông Phạm Minh Ngọc	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 8 năm 2015
Ông Nguyễn Văn Tuy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 10 năm 2015
Ông Vi Giang Khu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 10 năm 2015

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Phan Ngọc Mạnh	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 8 năm 2015
Ông Đỗ Xuân Luật	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 8 năm 2012
Ông Võ Kim Sơn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2014

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Phạm Văn Hùng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 7 năm 2012
Ông Trần Văn Trường	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 4 năm 2013
Ông Trần Mạnh Đăng	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 8 năm 2013

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Phạm Văn Hùng - Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 05 tháng 7 năm 2012).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐÒA
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Phạm Văn Hùng
Tổng Giám đốc

Gia Lai, ngày 11 tháng 8 năm 2016



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 2 Trương Sơn St., W. 2, Tân Bình Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Hà Nội : 40 Giang Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City
Branch in Nha Trang : 18 Trần Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Cần Thơ : 162C/4 Trần Ngọc Quê St., Cần Thơ City
www.a-c.com.vn

Số: 111/2016/BCTC-KTTV

BÁO CÁO SOÁT XÉT ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐOÀ**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Đoa (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 20 tháng 7 năm 2016, từ trang 7 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu cả năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo. Chúng tôi đã tiến hành cuộc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2400 - Dịch vụ soát xét Báo cáo tài chính quá khứ. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi đưa ra kết luận rằng liệu có bất kỳ sự kiện nào khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ, xét trên phương diện tổng thể không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, theo khuôn khổ về lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ được áp dụng hay không. Chuẩn mực này cũng yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp có liên quan.

Dịch vụ soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực này là dịch vụ đảm bảo có giới hạn. Kiểm toán viên thực hiện các thủ tục, chủ yếu gồm phỏng vấn Ban Tổng Giám đốc và các nhân sự khác trong đơn vị, nếu thích hợp, thủ tục phân tích và đánh giá bằng chứng thu thập được.

Các thủ tục được thực hiện trong dịch vụ soát xét ít hơn đáng kể so với cuộc kiểm toán được tiến hành theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Theo đó, chúng tôi sẽ không đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Kết luận của Kiểm toán viên

Trên cơ sở công việc soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có bất kỳ sự kiện nào khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

BÁO CÁO SOÁT XÉT ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Địa chỉ: Số 138 Tô Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Phố, tỉnh Lâm Đồng
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
 6 tháng đầu của niên tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được soát xét và kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên của công ty kiểm toán này đã đưa ra Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ vào ngày 14 tháng 8 năm 2015 với kết luận chấp nhận toàn phần và Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 vào ngày 25 tháng 02 năm 2016 với ý kiến chấp nhận toàn phần.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
 Chi nhánh Nha Trang**

Phan Thị Ngọc Trâm
Phó Giám đốc
 Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0979-2013-008-1

Nha Trang, ngày 11 tháng 8 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. Tài sản	100		3.282.284.126	16.918.708.059
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	1.474.452.816	141.302.144
1. Tiền	111		1.474.452.816	141.302.144
2. Các khoản phải thu ngắn hạn	112			
2. Phải thu ngắn hạn khác	112			
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	113			
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	113			
3. Phải thu ngắn hạn khác	113			
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	113			
5. Tài sản thiên nhiên cho thuê	113			
IV. Hàng tồn kho	140	V.5	158.219.368	159.953.046
1. Hàng tồn kho	141		158.219.368	159.953.046
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		87.452.512	81.695.900
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6a	87.452.512	81.695.900
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152			
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153			
4. Giao dịch mua bán lại tài chính Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			

CÔNG TY CỔ PHẦN THUY ĐIỆN ĐẮK ĐÒA

Địa chỉ: Số 138 Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Đơn vị tính: VND					
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		100		5.262.284.226	16.918.905.695
I. Tiền và các khoản tương đương tiền		110	V.1	1.474.455.816	141.969.164
1. Tiền		111		1.474.455.816	141.969.164
2. Các khoản tương đương tiền		112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh		121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn		130		3.542.156.630	16.535.287.495
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		131	V.2	2.491.487.435	15.893.117.189
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		132	V.3	194.000.000	202.124.270
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn		135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác		136	V.4a	856.669.195	440.046.036
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý		139		-	-
IV. Hàng tồn kho		140	V.5	158.219.268	159.953.046
1. Hàng tồn kho		141		158.219.268	159.953.046
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác		150		87.452.512	81.695.990
1. Chi phí trả trước ngắn hạn		151	V.6a	87.452.512	81.695.990
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác		155		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		370		216.689.737.896	234.754.197.148

CÔNG TY CỔ PHẦN THUY ĐIỆN ĐẮK ĐÒA

Địa chỉ: Số 138 Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		211.427.453.670	217.337.591.550
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.435.000.000	1.435.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.9	8.957.366.000	8.211.146.000
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.10	300.000.000	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213	V.11	1.258.470.800	5.599.777.900
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214	V.12	133.250.200	1.126.900.000
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.13	1.646.000.000	1.372.870.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	1.435.000.000	1.435.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		207.903.616.196	213.505.400.626
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	207.903.616.196	213.505.400.626
- Nguyên giá	222		282.828.073.163	281.675.508.520
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	V.16	(74.924.456.967)	(68.170.107.894)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		63.254.209.000	63.254.209.000
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		36.010.700	36.010.700
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8	36.010.700	36.010.700
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.052.826.774	2.361.180.224
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6b	2.052.826.774	2.361.180.224
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		216.689.737.896	234.256.497.245

CÔNG TY CỔ PHẦN THUY ĐIỆN ĐẮK ĐOA

Địa chỉ: Số 138 Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		120.106.931.004	126.729.341.113
I. Nợ ngắn hạn	310		56.852.721.988	63.475.132.097
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	9.957.386.009	8.211.146.916
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.10	200.000.000	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	1.258.470.819	5.597.777.915
4. Phải trả người lao động	314	V.12	133.250.229	1.126.962.170
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	1.646.065.870	1.373.874.449
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	13.962.452.061	5.868.943.567
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15a	29.192.000.000	40.605.330.080
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.16	503.097.000	691.097.000
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		63.254.209.016	63.254.209.016
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15b	63.254.209.016	63.254.209.016
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

Nguyễn Thị Vinh
Người lập báo cáo

Tôn Ngọc Dũng
Kế toán trưởng

Phạm Văn Hùng
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐÒA

Địa chỉ: Số 138 Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

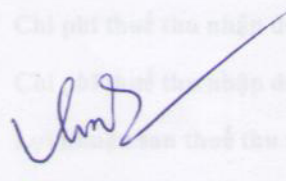
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

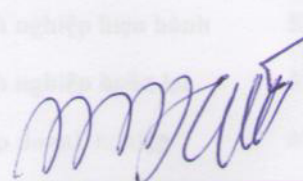
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

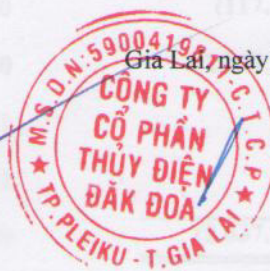
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		96.582.806.892	107.527.156.132
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	96.582.806.892	107.527.156.132
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		83.065.900.000	83.065.900.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		83.065.900.000	83.065.900.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.398.194.445	2.398.194.445
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		1.125.460.929	1.125.460.929
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		9.993.251.518	20.937.600.758
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		12.631.010.758	20.937.600.758
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(2.637.759.240)	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		216.689.737.896	234.256.497.245

Gia Lai, ngày 20 tháng 7 năm 2016


Nguyễn Thị Vĩnh
Người lập biểu


Trần Mạnh Đăng
Kế toán trưởng


Phạm Văn Hùng
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐÒA

Địa chỉ: Số 138 Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

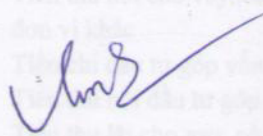
(Dạng đầy đủ)

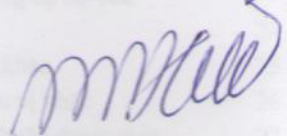
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016


Đơn vị tính: VND

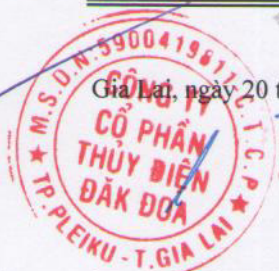
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	11.401.262.323	17.942.039.240
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		11.401.262.323	17.942.039.240
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	8.641.409.966	10.210.518.053
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.759.852.357	7.731.521.187
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	4.043.565	10.982.242
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	4.190.026.714	4.551.506.295
Trong đó: chi phí lãi vay	23		4.190.026.714	4.476.094.329
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	1.094.509.297	1.340.550.182
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(2.520.640.089)	1.850.446.952
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32	VI.6	117.119.151	77.832.107
13. Lợi nhuận khác	40		(117.119.151)	(77.832.107)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(2.637.759.240)	1.772.614.845
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	99.122.348
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(2.637.759.240)	1.673.492.497
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7a	(318)	201
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.7a	(318)	201

Gia Lai, ngày 20 tháng 7 năm 2016


Nguyễn Thị Vinh
Người lập biểu


Trần Mạnh Đăng
Kế toán trưởng


Phạm Văn Hùng
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN THUY ĐIỆN ĐẮK ĐÒA

Địa chỉ: Số 138 Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**(Dạng đầy đủ)****(Theo phương pháp gián tiếp)****6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(2.637.759.240)	1.772.614.845
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.7	6.754.349.073	6.711.023.136
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		-	(10.982.242)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	4.190.026.714	4.476.094.329
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		8.306.616.547	12.948.750.068
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		12.793.130.865	2.022.565.664
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	V.5	1.733.778	(10.040.273)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(4.888.855.544)	1.505.285.501
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	V.6	302.596.928	(1.117.818.450)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(3.251.109.198)	(4.523.859.506)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.11	(250.000.000)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.16	(188.000.000)	(125.080.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		12.826.113.376	10.699.803.004
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(1.052.780.724)	(1.335.015.548)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	10.982.242
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.052.780.724)	(1.324.033.306)

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐÒA

Địa chỉ: Số 138 Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

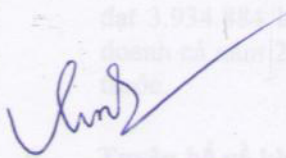
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

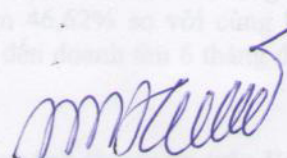
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

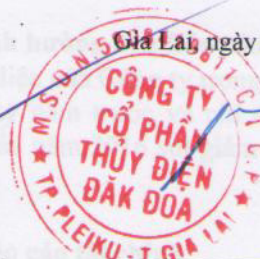
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.15a	(10.416.000.000)	(7.513.000.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(24.846.000)	(2.170.800.975)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(10.440.846.000)	(9.683.800.975)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		1.332.486.652	(308.031.277)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	141.969.164	3.627.163.119
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	1.474.455.816	3.319.131.842

Gia Lai, ngày 20 tháng 7 năm 2016


Nguyễn Thị Vĩnh
Người lập biểu


Trần Mạnh Đăng
Kế toán trưởng


Phạm Văn Hùng
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐOÀ

Địa chỉ: Số 138 Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Đoa (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Đầu tư các công trình thủy điện, nhiệt điện; Sản xuất, truyền tải và phân phối điện; Xây dựng nhà các loại, công trình đường bộ, công trình công ích và công trình kỹ thuật dân dụng khác; Khảo sát, thiết kế, xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện, công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị đường bộ, công trình ngầm và mỏ; Sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét, khoáng hóa chất và khoáng phân bón; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Trồng cây cao su; Trồng cây cà phê.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Do tình hình thời tiết khô hạn kéo dài, sản lượng điện của Công ty trong 6 tháng đầu năm 2016 chỉ đạt 3.934.884 kWh, giảm 46,62% so với cùng kỳ năm trước và chỉ đạt 11,54% kế hoạch kinh doanh cả năm 2016, dẫn đến doanh thu 6 tháng đầu năm 2016 sụt giảm mạnh so với cùng kỳ năm trước.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 30 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 32 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐÒA

Địa chỉ: Số 138 Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐOA

Địa chỉ: Số 138 Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này. Chi phí trả trước bao gồm:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Chi phí trồng rừng thay thế

Khoản chi khôi phục cải tạo rừng trên phần đất triển khai dự án được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ là 4 năm.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐÒA

Địa chỉ: Số 138 Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	30
Máy móc và thiết bị	15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

8. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

9. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

10. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐOA

Địa chỉ: Số 138 Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

11. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán thành phẩm

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm như người sở hữu sản phẩm hoặc quyền kiểm soát sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

12. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐÒA

Địa chỉ: Số 138 Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

13. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐOÀ

Địa chỉ: Số 138 Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

16. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

17. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác và các công cụ tài chính phái sinh.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu.

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐOA

Địa chỉ: Số 138 Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	378.043.864	23.180.095
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.096.411.952	118.789.069
Cộng	1.474.455.816	141.969.164

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu khách hàng khác</i>	<i>2.491.487.435</i>	<i>15.893.117.189</i>
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Tây Nguyên	-	1.178.720.018
Tổng Công ty Điện Lực Miền Trung	2.491.487.435	14.714.397.171
Cộng	2.491.487.435	15.893.117.189

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các người bán khác</i>	<i>194.000.000</i>	<i>202.124.270</i>
Công ty Cổ phần Nghiên cứu Kỹ Thuật Cơ Khí Chính Xác	-	200.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn LIGI	194.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	-	2.124.270
Cộng	194.000.000	202.124.270

4. Phải thu khác

4a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>856.669.195</i>	<i>-</i>	<i>440.046.036</i>	<i>-</i>
Tạm ứng	491.412.125	-	83.568.461	-
Bảo hiểm xã hội phải thu nhân viên	75.543.160	-	23.520.197	-
Phải thu Tổng Công ty Điện lực Miền Trung 10% tiền góp vốn thực hiện đường dây (xem thuyết minh số V.4b)	-	-	287.000.000	-
Phải thu Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Tây Nguyên - giá trị TSCĐ phân chia (xem thuyết minh số V.8)	260.256.532	-	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	29.457.378	-	45.957.378	-
Cộng	856.669.195	-	440.046.036	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐÒA

Địa chỉ: Số 138 Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

4b. Phải thu dài hạn khác

Là khoản tiền phải thu lại theo “Biên bản thoả thuận về việc cam kết góp và hoàn trả vốn thực hiện chống quá tải đường dây 110kV Pleiku-Kontum”. Theo đó, Công ty đã góp 2.870.000.000 VND từ năm 2011 để Tổng Công ty Điện lực Miền Trung (PC3) thực hiện đầu tư công trình chống quá tải đường dây 110kV Pleiku-Kontum và sau 6 tháng kể từ khi công trình hoàn thành đóng điện vận hành, số tiền này sẽ được PC3 hoàn trả trong 10 năm (mỗi năm 10% giá trị vốn đã góp).

5. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	149.695.768	-	148.908.046	-
Công cụ, dụng cụ	8.523.500	-	11.045.000	-
Cộng	158.219.268	-	159.953.046	-

6. Chi phí trả trước

6a. Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí trả trước ngắn hạn là chi phí bảo hiểm rủi ro tài sản còn phải phân bổ.

6b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	59.570.429	41.222.793
Chi phí kiểm định an toàn đập	87.500.000	87.500.000
Chi phí trồng rừng thay thế	1.905.756.345	2.232.457.431
Cộng	2.052.826.774	2.361.180.224

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	160.732.188.068	119.923.902.814	937.811.290	81.606.348	281.675.508.520
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	1.152.564.643	-	-	1.152.564.643
Số cuối kỳ	160.732.188.068	121.076.467.457	937.811.290	81.606.348	282.828.073.163
Trong đó:					
Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	-	-	158.133.333	81.606.348	239.739.681
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	30.832.573.392	36.539.025.566	716.902.588	81.606.348	68.170.107.894
Khấu hao trong kỳ	2.580.732.192	4.134.632.979	38.983.902	-	6.754.349.073
Số cuối kỳ	33.413.305.584	40.673.658.545	755.886.490	81.606.348	74.924.456.967
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	129.899.614.676	83.384.877.248	220.908.702	-	213.505.400.626
Số cuối kỳ	127.318.882.484	80.402.808.912	181.924.800	-	207.903.616.196
Trong đó:					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐOÀ

Địa chỉ: Số 138 Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 205.866:154.822 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai (xem thuyết minh số V.15b).

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Giá trị tài sản phân chia	Số cuối kỳ
Xây dựng cơ bản dở dang	36.010.700	1.412.821.175	(1.152.564.643)	(260.256.532)	36.010.700
- Hệ thống kết nối tín hiệu SCADA-DMS (*)		- 1.412.821.175	(1.152.564.643)	(260.256.532)	-
- Công trình khuôn viên nhà máy	29.488.500	-	-	-	29.488.500
- Công trình đập tràn sự cố	6.522.200	-	-	-	6.522.200
Cộng	36.010.700	1.412.821.175	(1.152.564.643)	(260.256.532)	36.010.700

(*) Theo Phụ lục số 01/2016/SĐTN-DHP của Hợp đồng số 68/2010/SĐTN-DHP về việc hợp tác đầu tư xây dựng bổ sung, hoàn thiện Hệ thống SCADA-DMS, Hệ thống đo xa, Hệ thống đo đếm điện năng phục vụ Nhà máy thủy điện Đăk Đoa và Nhà máy thủy điện Hà Tây ký ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty và Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Tây Nguyên sẽ phân chia giá trị hệ thống kết nối tín hiệu SCADA-DMS với tổng giá trị đầu tư chưa bao gồm thuế GTGT là 1.412.821.175 VND, trong đó giá trị phân chia cho Công ty là 1.152.564.643 VND, giá trị phân chia cho Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Tây Nguyên là 260.256.532 VND. Hệ thống kết nối tín hiệu SCADA-DMS đã được đưa vào sử dụng và Công ty đang hoàn thiện hồ sơ quyết toán để trình các cấp thẩm quyền phê duyệt quyết toán vốn đầu tư.

9. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	608.714.244	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 11	608.714.244	-
Phải trả các nhà cung cấp khác	9.348.671.765	8.211.146.916
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Công trình Ngâm Việt Nam	2.536.234.380	1.538.904.300
Công ty Cổ phần Sông Đà 505	1.617.000.847	1.617.000.847
Công ty TNHH Hán Long Hồ Nam	1.229.681.471	1.229.681.471
Công ty Cổ phần Cơ khí và Lắp máy Đại Hân	1.386.806.569	1.386.806.569
Các khách hàng khác	2.578.948.498	2.438.753.729
Cộng	9.957.386.009	8.211.146.916

10. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Khoản ứng trước tiền thiết kế công trình của Công ty Cổ phần Thủy điện Đức Nhân - ĐăkPsi.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐOA

Địa chỉ: Số 138 Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.911.912.613	925.647.155	(2.211.000.000)	626.559.768
Thuế thu nhập doanh nghiệp	500.630.468	-	(250.000.000)	250.630.468
Thuế thu nhập cá nhân	86.928.823	3.308.846	(78.852.770)	11.384.899
Thuế tài nguyên	943.083.757	255.296.848	(1.095.798.983)	102.581.622
Tiền thuê đất	-	24.500.000	-	24.500.000
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	2.155.222.254	192.813.008	(2.105.221.200)	242.814.062
Cộng	5.597.777.915	1.404.565.857	(5.743.872.953)	1.258.470.819

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 39121000033 ngày 13 tháng 8 năm 2007 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Gia Lai cấp, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ dự án đầu tư nhà máy thủy điện với thuế suất 10% trong 15 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn thuế trong 4 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo.

Năm 2016 là năm thứ 2 Công ty được giảm 50% số thuế phải nộp.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% (kỳ trước thuế suất là 22%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(2.637.759.240)	1.772.614.845
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	273.119.151	209.832.107
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế	(2.364.640.089)	1.982.446.952
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	-	436.138.329
Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông	-	(237.893.633)
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	-	(99.122.348)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	99.122.348

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐOÀ

Địa chỉ: Số 138 Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước nguồn với giá bán điện thương phẩm bình quân là 1.622,01 VND/kWh, thuế suất là 4%.

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất đối với diện tích 3.500 m² đất đang sử dụng với mức 49.000.000 VND/năm.

Phí dịch vụ môi trường rừng

Công ty phải nộp phí dịch vụ môi trường rừng cho hoạt động thủy điện với đơn giá là 20 VND/kWh.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

12. Phải trả người lao động

Tiền lương còn phải trả người lao động

13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả bên liên quan	-	194.202.400
Công ty Cổ phần Sông Đà 11 - Chi phí lãi vay phải trả	-	194.202.400
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	1.646.065.870	1.179.672.049
Chi phí xây dựng nhà máy (*)	1.116.132.925	1.135.616.856
Chi phí lãi vay phải trả	524.405.672	-
Chi phí tàu xe nghỉ phép	5.527.273	27.727.273
Chi phí bảo hành đường dân sinh	-	16.327.920
Cộng	1.646.065.870	1.373.874.449

(*) Là giá trị đầu tư xây dựng Nhà máy thủy điện Đăk Đoa đã hoàn thành nghiệm thu nhưng nhà thầu chưa xuất hoá đơn GTGT.

14. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	12.368.000	20.502.890
Bảo hiểm xã hội	140.342.341	103.497.334
Bảo hiểm y tế	23.783.231	19.035.586
Bảo hiểm thất nghiệp	9.974.293	8.460.260
Phải trả thù lao Hội đồng quản trị	288.000.000	460.800.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	12.188.860.500	3.907.116.500
Phải trả Bà Trần Thị Bích Liên (*)	1.000.000.000	1.000.000.000
Phải trả tiền thi công đường dân sinh	295.750.000	295.750.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	3.373.696	53.780.997
Cộng	13.962.452.061	5.868.943.567

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐOÀ

Địa chỉ: Số 138 Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

(*) Là khoản phải trả theo thoả thuận góp vốn mua cổ phần Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Đoa, tuy nhiên thoả thuận không được tiếp tục thực hiện nên Công ty phải trả lại phần tiền góp vốn này.

15. Vay và nợ thuê tài chính

15a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả bên liên quan</i>	<i>11.000.000.000</i>	<i>14.012.000.000</i>
Vay Công ty Cổ phần Sông Đà 11 (*)	11.000.000.000	14.012.000.000
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>18.192.000.000</i>	<i>26.593.330.080</i>
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	-	1.297.330.080
<i>Vay Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Công trình ngầm Việt Nam</i>	<i>-</i>	<i>1.297.330.080</i>
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.15b)	18.192.000.000	25.296.000.000
Cộng	<u>29.192.000.000</u>	<u>40.605.330.080</u>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

(*) Khoản vay tín chấp để bổ sung vốn lưu động với lãi suất vay vốn ngắn hạn của Công ty Cổ phần Sông Đà 11 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Tây, thời hạn vay không quá 12 tháng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong kỳ như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u>	<u>Điều chỉnh công nợ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	15.309.330.080	(3.312.000.000)	(997.330.080)	11.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	25.296.000.000	(7.104.000.000)	-	18.192.000.000
Cộng	<u>40.605.330.080</u>	<u>(10.416.000.000)</u>	<u>(997.330.080)</u>	<u>29.192.000.000</u>

15b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng	63.254.209.016	63.254.209.016
<i>Vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai (*)</i>	<i>63.254.209.016</i>	<i>63.254.209.016</i>
Cộng	<u>63.254.209.016</u>	<u>63.254.209.016</u>

(*) Khoản vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai để đầu tư xây dựng Nhà máy thủy điện Đắk Đoa với lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân và tại thời điểm sửa đổi, bổ sung hợp đồng theo quy định của Ngân hàng Phát triển Việt Nam. Thời gian vay vốn là 138 tháng từ tháng 01 năm 2008 đến hết tháng 6 năm 2019, thời gian ân hạn 24 tháng từ tháng 01 năm 2008 đến hết tháng 12 năm 2009, thời gian trả nợ gốc 96 tháng từ tháng 01 năm 2010 đến hết tháng 6 năm 2019. Các khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định được hình thành trong tương lai từ vốn vay và vốn tự có là Nhà máy thủy điện Đắk Đoa.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐÒA

Địa chỉ: Số 138 Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	18.192.000.000	25.296.000.000
Trên 1 năm đến 5 năm	63.254.209.016	63.254.209.016
Cộng	81.446.209.016	88.550.209.016

16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	263.940.000	-	263.940.000
Quỹ phúc lợi	427.157.000	(188.000.000)	239.157.000
Cộng	691.097.000	(188.000.000)	503.097.000

17. Vốn chủ sở hữu

17a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	83.065.900.000	828.875.093	419.267.221	15.933.924.543	100.247.966.857
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	1.673.492.497	1.673.492.497
Cộng	83.065.900.000	828.875.093	419.267.221	17.607.417.040	101.921.459.354
Số dư đầu năm nay	83.065.900.000	2.398.194.445	1.125.460.929	20.937.600.758	107.527.156.132
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	(2.637.759.240)	(2.637.759.240)
Cổ tức năm 2014 phải trả	-	-	-	(8.306.590.000)	(8.306.590.000)
Cộng	83.065.900.000	2.398.194.445	1.125.460.929	9.993.251.518	96.582.806.892

17b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Chi tiết vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

Cổ đông	VND	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	16.619.000.000	17,57
Công ty Cổ phần Cung ứng Nhân lực Quốc tế và Thương mại Sông Đà (SimCo)	27.331.000.000	28,89
Công ty Cổ phần Sông Đà 9.01	2.200.000.000	2,32
Công ty Cổ phần Sông Đà 10.1	2.703.000.000	2,86
Các cổ đông khác	45.747.000.000	48,36
Cộng	94.600.000.000	100,00

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐOÀ

Địa chỉ: Số 138 Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tình hình góp vốn điều lệ đến ngày 30 tháng 6 năm 2016 như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Sông Đà 11	54.075.900.000	54.075.900.000
Các cổ đông khác	28.990.000.000	28.990.000.000
Cộng	83.065.900.000	83.065.900.000

Ngày 02 tháng 6 năm 2015, Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đã ra Quyết định số 322/QĐ-SGDHN về việc chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Đoa với số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch là 8.306.590 cổ phiếu phổ thông, mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu tương ứng với giá trị chứng khoán đăng ký giao dịch là 83.065.900.000 VND.

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 số 46/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16 tháng 4 năm 2016 đã thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động mới của Công ty. Vốn điều lệ của Công ty được quy định trong Điều lệ là 83.065.900.000 VND.

17c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.306.590	8.306.590
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	8.306.590	8.306.590
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.306.590	8.306.590

Toàn bộ là cổ phiếu phổ thông. Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

17d. Phân phối lợi nhuận

Ngày 06 tháng 8 năm 2015 Hội đồng quản trị Công ty đã thông qua Nghị quyết số 05/2015/NQ-ĐHĐCĐ về việc chia cổ tức năm 2014 là 10% mệnh giá cổ phiếu với số tiền 8.306.590.000 VND. Số cổ tức này chưa được Công ty chi trả đến thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2016.

Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 số 46/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16 tháng 4 năm 2016 đã thông qua việc không chia cổ tức năm 2015 và không trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm 2015.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu bán điện thương phẩm cho Tổng Công ty Điện lực Miền Trung.

2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn bán điện thương phẩm.

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi không kỳ hạn tại ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐÒA

Địa chỉ: Số 138 Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	4.190.026.714	4.476.094.329
Lỗ chênh lệch tỷ giá trong giai đoạn xây dựng cơ bản	-	75.411.966
Cộng	4.190.026.714	4.551.506.295

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	530.930.462	524.821.166
Chi phí vật liệu quản lý	36.533.002	53.237.242
Chi phí khấu hao tài sản cố định	38.983.902	38.983.902
Thuế, phí và lệ phí	27.500.000	27.500.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	118.666.081	120.758.521
Các chi phí khác	341.895.850	575.249.351
Cộng	1.094.509.297	1.340.550.182

6. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi chậm nộp Bảo hiểm xã hội	2.929.898	2.840.770
Lãi chậm nộp thuế	114.115.328	34.991.337
Chi phí khác	73.925	40.000.000
Cộng	117.119.151	77.832.107

7. Lãi trên cổ phiếu

7a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(2.637.759.240)	1.673.492.497
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	(2.637.759.240)	1.673.492.497
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	8.306.590	8.306.590
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	(318)	201

7b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐÒA

Địa chỉ: Số 138 Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	180.498.239	302.169.221
Chi phí nhân công	1.162.697.960	1.404.772.630
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.754.349.073	6.711.023.136
Chi phí dịch vụ mua ngoài	394.980.301	378.324.013
Chi phí khác	1.243.393.690	2.754.779.235
Cộng	9.735.919.263	11.551.068.235

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	122.079.471	193.040.361
Thù lao	288.000.000	192.000.000
Cộng	410.079.471	385.040.361

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Bên liên quan khác với Công ty chỉ có Công ty Cổ phần Sông Đà 11 là công ty mẹ.

Giao dịch với các bên liên quan khác

Công ty không phát sinh giao dịch với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết cũng như các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên doanh, liên kết ngoài Công ty Cổ phần Sông Đà 11. Giao dịch phát sinh với Công ty Cổ phần Sông Đà 11 như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐÒA

Địa chỉ: Số 138 Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi vay phải trả Công ty Cổ phần Sông Đà 11	414.511.844	-
Trả nợ gốc vay cho Công ty Cổ phần Sông Đà 11	3.012.000.000	-

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.9, V.13 và V.15a.

2. Thông tin về bộ phận

Công ty chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là sản xuất điện và trong một khu vực địa lý là tỉnh Gia Lai.

3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

3a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Khoản phải thu khách hàng của Công ty chủ yếu liên quan đến Tổng Công ty Điện lực Miền Trung. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản phải thu khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Tất cả các tài sản tài chính của Công ty đều trong hạn và không bị giảm giá trị.

3b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐÒA

Địa chỉ: Số 138 Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối kỳ			
Phải trả người bán	9.957.386.009	-	9.957.386.009
Vay và nợ	29.192.000.000	63.254.209.016	92.446.209.016
Các khoản phải trả khác	15.422.050.066	-	15.422.050.066
Cộng	54.571.436.075	63.254.209.016	117.825.645.091
Số đầu năm			
Phải trả người bán	8.211.146.916	-	8.211.146.916
Vay và nợ	40.605.330.080	63.254.209.016	103.859.539.096
Các khoản phải trả khác	7.091.321.946	-	7.091.321.946
Cộng	56.059.295.012	63.254.209.016	119.162.007.958

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

3c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro lãi suất và rủi ro giá nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của lãi suất, giá nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty chỉ có các khoản vay với lãi suất thả nổi tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 11.000.000.000 VND (số đầu năm là 14.012.000.000 VND).

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu kỳ này của Công ty sẽ giảm/tăng 220.000.000 VND (cùng kỳ năm trước giảm/tăng 266.228.000 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐOÀ

Địa chỉ: Số 138 Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá nguyên vật liệu.

3d. Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

4. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.474.455.816	-	141.969.164	-
Phải thu khách hàng	2.491.487.435	-	15.893.117.189	-
Các khoản phải thu khác	1.824.713.910	-	1.767.957.378	-
Cộng	5.790.657.161	-	17.803.043.731	-

Nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả người bán	9.957.386.009	8.211.146.916
Vay và nợ	92.446.209.016	103.859.539.096
Các khoản phải trả khác	15.422.050.066	7.091.321.946
Cộng	117.825.645.091	119.162.007.958

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

5. Thông tin về hoạt động liên tục

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn 51.590.437.762 VND. Yếu tố này có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tuy nhiên theo kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016 đã được HĐQT của Công ty thông qua, doanh thu từ dự án thủy điện Đăk Đoa trong 6 tháng cuối năm 2016 cao hơn so với trong 6 tháng đầu năm 2016 và theo biên bản thỏa thuận về việc vay vốn bổ sung nguồn vốn thiếu hụt trong giai đoạn đầu tư xây dựng và một số hạng mục bổ sung trong giai đoạn sản xuất kinh doanh của Nhà máy thủy điện Đăk Đoa ký ngày 16 tháng 5 năm 2016 giữa Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Đoa, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai và Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai sẽ tài trợ vốn cho Công ty để có thể thanh toán đầy đủ các nghĩa vụ nợ đến hạn trong thời gian ít nhất 12 tháng

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐÒA

Địa chỉ: Số 138 Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

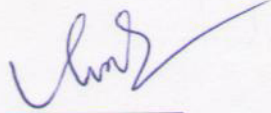
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

kể từ ngày Ban Tổng Giám đốc phê chuẩn Báo cáo tài chính giữa niên độ. Do vậy Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 vẫn được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

6. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.



Nguyễn Thị Vinh
Người lập biểu



Trần Mạnh Đăng
Kế toán trưởng

Gia Lai, ngày 20 tháng 7 năm 2016



Phạm Văn Hùng
Tổng Giám đốc